

Số:10/2021/QĐST- HNGĐ

Cb, ngày 13 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án **hôn nhân gia đình** thụ lý số: **191/2020/TLST- HNGĐ** ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Bế Thị G** – Sinh năm 1990

HKTT: Tổ 09, phường NX, thành phố Cb, tỉnh Cb.

Chỗ ở hiện nay: Xóm P G, xã H A, huyện H A, tỉnh Cb.

- *Bị đơn:* **Linh Quang D** – sinh năm 1991

HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 09, phường NX, thành phố Cb, tỉnh Cb.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bế Thị G – Sinh năm 1990

HKTT: Tổ 09, phường NX, thành phố Cb, tỉnh Cb.

Chỗ ở hiện nay: Xóm P G, xã H A, huyện H A, tỉnh Cb.

Anh Linh Quang D – sinh năm 1991

HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 09, phường NX, thành phố Cb, tỉnh Cb.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Bé Thị G và anh Linh Quang D.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống vợ chồng chị Bé Thị G và anh Linh Quang D có 01 con chung Linh Ngọc B (giới tính: Nữ; sinh ngày 23/8/2014).

Các đương sự cùng thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn như sau:

Chị Bé Thị G là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Linh Ngọc B (giới tính: Nữ; sinh ngày 23/8/2014) cho đến khi con chung thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Linh Quang D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mức: 1.000.000đ (một triệu đồng)/01 tháng. Cấp dưỡng theo hàng tháng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung thành niên.

Thăm nom con chung sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn người không trực tiếp có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về việc chia tài sản chung, nợ chung:** Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Chị Bé Thị G và anh Linh Quang D mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn. Ngoài ra, anh Linh Quang D còn phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Do chị Bé Thị G tự nguyện nộp thay số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Linh Quang D nên tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị G phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ mà chị G đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000924 ngày 07/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cb, tỉnh Cb. Xác nhận chị G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND xã H A, huyện H A,
tỉnh Cb;
- Dương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hoài Phương